

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày: 27-03-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lam.

Bà Đoàn Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Biên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến một điểm cầu Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh và một điểm cầu tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

**Phạm Thị H**; tên gọi khác: không; sinh ngày 17 tháng 10 năm 1991 tại **T, L, Bắc Giang**.

Nơi cư trú: **Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1957 (đã chết); con bà **Đinh Thị P**, sinh năm 1960; có chồng là **Dương Văn T**, sinh năm 1992 (đã ly hôn năm 2022); có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/06/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện H**, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 24/3/2023, **Đồn Biên phòng Q2- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C** chủ trì phối hợp với Phòng PCMT&TP **Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C**; **Công an xã Q, huyện H** cùng tiến hành tuần tra, kiểm soát tại khu vực mốc 872 thuộc **xóm K, xã Q, huyện H** thì phát hiện bắt quả tang **Đặng Chòi P1**, sinh năm 1987, trú tại **xóm K, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11B1-527.70 chở theo **Bùi Thị Ngọc Q**, sinh năm 1993, trú tại **khu phố C, phường T, Tp Đ, tỉnh Bình Phước**; **Đặng Mùi C**, sinh

năm 1993, trú tại xóm X, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11U1-177.86 chở theo Hoàng Thị B, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang di chuyển vào khu vực biên giới để B và Q xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tại cơ quan điều tra, B và Q khai nhận do có nhu cầu tìm kiếm việc làm nên đã liên hệ với một người phụ nữ tên là Phạm Thị H để được hướng dẫn, tổ chức cho vào khu vực biên giới nhằm xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi đang trên đường di chuyển thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Năm 2018, Phạm Thị H làm thủ tục sang Trung Quốc lao động. Tại đó, H làm công việc bán hàng online nên có nhiều người không quen biết kết bạn qua tài khoản mạng xã hội, trong đó có một người tên là Nguyễn Việt A, sinh năm 1982, trú tại H, Lạng Sơn. Qua nói chuyện, Việt A trao đổi với H về việc H tìm những người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê rồi báo lại cho Việt A để cùng kết hợp đưa họ sang Trung Quốc, tiền chi phí tùy theo từng địa điểm đến (khoảng 8.000CNY nếu sang đến N, Q hoặc 11.000CNY nếu sang đến Q, Trung Quốc). Sau khi khách đồng ý đi thì sẽ phải chuyển trước chi phí ít nhất là 2.000CNY, sau khi sang đến Trung Quốc sẽ thu nốt số tiền còn lại. Với cách thức lập nick trên các trang mạng xã hội Tiktok, facebook, zalo để kết bạn, hướng dẫn cho người đi, báo chi phí và yêu cầu chuyển tiền, ngày 10/02/2023, Phạm Thị H đã tổ chức cho Hầu Thị X, sinh năm 1981, trú tại Đ, T, Đ, Thái Nguyên; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980, trú tại C, cảm X1, H, Bắc Giang; Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 2001, trú tại Ấp T, A, T, Đồng Tháp; Phan Thị Ngọc B1, sinh năm 1990, trú tại số F T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ đi từ nhà đến huyện T, Cao Bằng, sau đó tiếp tục di chuyển sang thị trấn T, huyện H nghỉ tại nhà nghỉ H4 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hầu Thị X đã chuyển đủ chi phí 24.800.000đ vào tài khoản số 3682 686 666 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q3 (M) của Phạm Thị H, còn T1, T2, B1 thì đã có người quen bên Trung Quốc chủ động chuyển tiền vào tài khoản Wechat cho H (do mạng W có máy chủ đặt ở nước ngoài nên không xác định được rõ số tiền H đã nhận). Sau khi nhận được tiền từ các công dân có nhu cầu xuất cảnh trái phép, H báo lại cho Việt A để bố trí người đến đón từ thị trấn T đưa vào khu vực biên giới. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Hoàng Văn L, Hoàng Văn P2, Đàm Văn Đ cùng trú tại xóm N, xã T; T trú tại xóm K, xã Q, cùng huyện H đến nhà nghỉ H4 ở thị trấn T, H để đón X, T1, T2, Bích vào khu vực biên giới và đưa lên mốc giao cho người khác theo yêu cầu của người đàn ông không biết thông tin về họ tên, địa chỉ đang sinh sống ở Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện, đưa về làm việc.

Đến ngày 20/3/2023, Phạm Thị H sử dụng tài khoản W “Sâm Tố Nữ” và tài khoản zalo “Ngọc H1” để hướng dẫn, tổ chức cho Phạm Thị H2 sinh năm 1988, trú tại thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Thị B; Bùi Thị Ngọc Q di chuyển từ nhà đến thị trấn T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. H1 cho biết chi phí để Q đi đến tỉnh Phúc Kiến là 13.000CNY (tương đương khoảng

45.000.000đ), chi phí để H2 và B đi đến tỉnh Quảng Đông là 11.000CNY/người (tương đương khoảng 38.500.000đ/người). Trong ngày, H2 và B đã nộp 58.500.000đ (trong đó có 20.000.000đ là tiền của H2, 38.500.000đ là tiền của B) vào số tài khoản 3682 686 666 tại ngân hàng TMCP Q3. Quyền đã nộp tổng cộng 23.000.000đ (trong đó chuyển 16.000.000đ vào tài khoản của H1, chuyển 7.000.000đ vào tài khoản số 2502525061986 tại Ngân hàng A1 của Nguyễn Văn D, sinh năm 1986, trú tại H, X, B, Lào Cai) theo yêu cầu của H1. Khoảng 15 giờ ngày 20/3/2023, Lý Kiên H3, Triệu Tạ K, Triệu Tạ C1 cùng trú tại xóm N; Phùng Kiên Q1 trú tại xóm L, cùng xã V, huyện N được một người đàn ông không quen biết gọi điện thuê đến thị trấn T để đón Phạm Thị H2, Hoàng Thị B, Bùi Thị Ngọc Q vào khu vực biên giới thuộc xóm L, xã L, huyện H để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi cả nhóm di chuyển đến khu vực thang sắt ở mốc biên giới 870 thuộc địa phận xã Đ, H thì bị Đồn Biên phòng cửa khẩu L1 phát hiện, đưa về làm việc. Các công dân Phạm Thị H2, Bùi Thị Ngọc Q, Hoàng Thị B bị Đồn Biên phòng cửa khẩu L1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định, mức phạt tiền 4.000.000đ. Do Phạm Thị H2 không có tiền nộp phạt nên đã liên lạc với H1 để lấy lại 5.000.000đ từ số tiền đã chuyển trước đó, H1 chuyển lại cho H2 5.000.000đ.

Sau khi chấp hành xong quyết định xử phạt nêu trên, ngày 23/3/2023, cơ quan chức năng cho B, H2, Quyền quay trở về địa phương nhưng cả nhóm chưa về mà liên lạc với H1 để đòi lại số tiền đã nộp do không muốn đi nữa. Tuy nhiên, H1 không đồng ý trả lại tiền mà yêu cầu đi tiếp, H1 sẽ tiếp tục bố trí người đến đón đưa vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau khi bàn bạc, cả nhóm nhất trí quay lại thị trấn T để đợi người đến đón theo hướng dẫn của H1. Đến khoảng 13 giờ ngày 24/3/2023, Đặng Chòi P1, Bàn Đào K cùng trú tại xã P; Đặng Mùi C trú tại xã V, huyện N đến thị trấn T để đón B, Quyền, H2 vào khu vực mốc biên giới số 42 cũ thuộc xã Q, huyện H theo yêu cầu của một người phụ nữ không biết tên, địa chỉ để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, khi di chuyển đến xóm K, xã Q thì xe của K1 chở theo H2 bị lạc đường, còn xe của P1 và C chở theo B và Q bị Đồn Biên phòng Q2 phát hiện, bắt giữ.

Ngày 16-01-2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 04/CT-VKSCB-P1 truy tố Phạm Thị H về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thị H về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố **Phạm Thị H** về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Bị cáo **Phạm Thị H** phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

**Về hình phạt:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Phạm Thị H**, xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 6 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu số tiền do bị cáo **Phạm Thị H** phạm tội mà có là 98.300.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước: điện thoại bị cáo **Phạm Thị H** dùng vào việc phạm tội.

**Về án phí:** Bị cáo **Phạm Thị H** phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo **Phạm Thị H** mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh C**, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo **Phạm Thị H** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo **Phạm Thị H** hoàn toàn phù hợp với bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên về quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo; Biên bản mở niêm phong, trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại di động tạm giữ của bị cáo; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Do đã từng có thời gian sinh sống ở Trung Quốc, lợi dụng nhu cầu tìm kiếm việc làm của một số người dân, từ ngày 10/02/2023 đến ngày 24/3/2023, **Phạm Thị H** đã sử dụng các tài khoản mạng xã hội Wechat, **Z** để liên hệ và tổ

chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc 03 lần. Trong đó: Lần 01 vào ngày 10/02/2023, tổ chức cho 04 người phụ nữ Việt Nam gồm **Hầu Thị X**, **Nguyễn Thị T1**, **Nguyễn Thị Bích T2**, **Phan Thị Ngọc B1** vào khu vực biên giới **huyện H** để sang **Trung Quốc** qua khu vực mốc 870 và được hưởng lợi số tiền 24.800.000đ; Lần 02, vào ngày 20/3/2023, **H** tổ chức cho 03 người Việt Nam khác là **Phạm Thị H2**, **Hoàng Thị B**, **Bùi Thị Ngọc Q** vào khu vực biên giới **huyện T** để sang **T** Quốc qua mốc 42 cũ nhưng bị **Đồn Biên phòng cửa khẩu L1** phát hiện, ngăn chặn. **H** đã được hưởng lợi số tiền 73.500.000đ. Đến ngày 24/3/2023, **H** tiếp tục tổ chức cho **H2**, **B**, **Quyền** vào khu vực biên giới thuộc **xã Q**, **huyện H** để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc do trước đó nhóm người này chưa đi được, nhưng khi vừa di chuyển đến khu vực **xóm K, Q** thì bị **Đồn Biên phòng Q2** phát hiện, bắt giữ. Tổng số tiền **H** được hưởng lợi trong 03 lần này là 98.300.000đ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vì vụ lợi. Hành vi của bị cáo **Phạm Thị H** có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét vai trò của của bị cáo trong vụ án: Bị can **Phạm Thị H** đã thông qua mạng xã hội để tìm người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi tìm được người, **H** sử dụng ứng dụng Zalo, WeChat để nói chuyện, tạo sự tin tưởng cho họ bằng cách cho họ biết quá trình đi lại dễ dàng, sẽ được bố trí người đưa đón đến từng địa điểm. Khi họ đã đồng ý, **H** móc nối, trao đổi, liên lạc với đối tượng khác để lên kế hoạch, thống nhất thời gian, cách thức, địa điểm để đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc bị cáo tổ chức cho người khác qua biên giới không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, gây tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới. Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo **Phạm Thị H** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Phạm Thị H** được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trình độ học

vấn thấp, nuôi hai con còn nhỏ, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Truy thu số tiền do bị cáo **Phạm Thị H** phạm tội mà có là 98.300.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động tạm giữ của **Phạm Thị H** là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước;

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Phạm Thị H** phải nộp là 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với **Nguyễn Việt A**, ngoài lời khai của **H** thì không có thêm tài liệu nào khác. Kết quả xác minh tại **huyện H, tỉnh Lạng Sơn** theo lời khai của **H** xác định không có người tên **Nguyễn Việt A**, sinh năm 1982. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với **Hoàng Văn L, Hoàng Văn P2, Đàm Văn Đ, Thâm Văn Đ1, Lý Kiểm H3, Triệu Tạ K, Triệu Tạ C1, Phùng Kiểm Q1, Đặng Chòi P1, Đặng Mùi C** được thực hiện hành vi đón người vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc đã bị điều tra, truy tố và xét xử theo quy định pháp luật.

Đối với **Bàn Đào K2** là người trực tiếp chở **Phạm Thị H2** vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép, **K2** khai nhận khi đang trên đường vào khu vực biên giới, **H2** nói cho **K2** biết mục đích đến mốc 42 cũ là để sang Trung Quốc

làm thuê nên **K2** đã yêu cầu **H2** xuống xe và không tiếp tục chờ nữa vì **K2** nhận thức được nếu tiếp tục chờ thì sẽ vi phạm pháp luật. Do đó, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý vì **K2** đã tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Đối với **Phạm Thị H2** là người cùng **B, Q** có hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, ngày 20/3/2023 cũng đã bị **Đồn Biên phòng Cửa khẩu L1** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh trái phép, nhưng ngày 24/3/2023, lực lượng chức năng không phát hiện được **Phạm Thị H2, H2** đã sang Trung Quốc. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý bằng một vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị H** phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị H** 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 13/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại di động của **Phạm Thị H**, nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh C**.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 53 ngày 19 tháng 01 năm 2024.

- Truy thu số tiền do bị cáo **Phạm Thị H** phạm tội mà có là 98.300.000đ (*Chín mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Phạm Thị H** phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo **Phạm Thị H** có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hoà An, tỉnh CB;
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng ;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Phòng PC 10 tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo.
- Lưu HS vụ án; HCTP
- Lưu tòa HS.

**Dương Văn Sơn**



